

TÌM HIỂU ĐẶC TRƯNG KHÔNG KHÍ TRONG THƯ HỒ CHÍ MINH DƯỚI ÁNH SÁNG CỦA PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN

Tổng Thị Hương, Nguyễn Thị Hòa

Khoa Ngữ văn - Khoa học xã hội

Email: huongtt71@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/3/2021

Ngày PB đánh giá: 08/4/2021

Ngày duyệt đăng: 14/5/2021

TÓM TẮT: Phân tích diễn ngôn là một trong những hướng nghiên cứu ngôn ngữ mới theo hệ hình chức năng luận, theo đó diễn ngôn được tìm hiểu ở ba phương diện: trường, không khí và cách thức. Bài báo tập trung nghiên cứu phương diện *không khí* trong thư Hồ Chí Minh nhằm làm rõ các đặc trưng của yếu tố này là kiểu câu, từ xưng hô và các yếu tố tình thái, qua đó thấy được nét đặc sắc trong cách viết và tư tưởng của Người.

Từ khóa: *Không khí, phân tích diễn ngôn, thư Hồ Chí Minh.*

AN INVESTIGATION INTO THE CHARACTERISTICS OF TENOR IN HO CHI MINH'S LETTERS BY MEANS OF DISCOURSE ANALYSIS

ABSTRACT: Discourse analysis is a new linguistic research in Functional Linguistics, where discourse is explored in three aspects: field, tenor and mode. This article focuses on studying the *tenor* in Ho Chi Minh's letters to clarify the characteristics of this element through sentence types, pronouns of address and mood factors to show the special features in his writing and thought.

Keywords: *Tenor, discourse analysis, Ho Chi Minh's letters*

1. Đặt vấn đề

Phân tích diễn ngôn là một trong những hướng nghiên cứu ngôn ngữ mới theo hệ hình chức năng luận: nghiên cứu ngôn ngữ trong giao tiếp, trong quá trình sử dụng; nhấn mạnh đến chức năng và tính mục đích của các hình thức ngôn ngữ trong quá trình hành chức. Khi phân tích một diễn ngôn, cần làm sáng tỏ các yếu tố có tác động chi phối đến đặc điểm của diễn ngôn là *Trường* (field), *Không khí* (tenor) và *Cách thức* (mode). Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ xin đề cập đến yếu tố *Không khí* khi tìm hiểu 116 diễn ngôn thư của Hồ Chí Minh.

2. Đặc trưng không khí trong thư Hồ Chí Minh

Không khí của diễn ngôn chỉ ra các vai tham gia, vị thế xã hội, trạng thái tâm sinh lý, mối quan hệ, các kiểu quan hệ của những người tham gia giao tiếp. Thực chất, đó chính là các nhân vật tham gia giao tiếp và mối quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp. Dựa vào các vai quan hệ xã hội được xác lập này, chúng ta có thể đánh giá ngôn ngữ là trang trọng, lịch sự hay thân mật, suồng sã,... Không khí chính là nơi hiện thực hóa các quyết định lựa chọn về chức năng liên nhân của người sử dụng ngôn ngữ. Đặc trưng không khí của diễn ngôn thư Hồ Chí

Minh được chúng tôi tìm hiểu và làm rõ qua ba phương diện: kiểu câu, từ xưng hô và các yếu tố tình thái.

2.1. Đặc trưng không khí trong thư Hồ Chí Minh qua các kiểu câu phân theo mục đích phát ngôn

2.1.1. Câu nhận định trong thư Hồ Chí Minh

Nhận định là đưa ra nhận xét, đánh giá, dự đoán về một vấn đề nào đó. Câu nhận định nhằm cung cấp những nhận định, những thông tin, đồng thời phản ánh tính mục đích trong việc lựa chọn các kiểu câu để xây dựng nội dung chủ đề ở từng giai đoạn khác nhau trong thư của Hồ Chí Minh, đó là cung cấp thông tin, những bằng chứng thuyết phục để tố cáo tội ác của kẻ thù; hoặc kêu gọi, hiệu triệu nhân dân Việt Nam tin vào chân lí chính nghĩa, tin vào sức mạnh của toàn dân tộc, từ đó đoàn kết, hăng hái trong sự nghiệp xây dựng và giải phóng đất nước. Giá trị liên nhân thể hiện qua lực ngôn trung trong các câu nhận định được thể hiện ở chỗ thông qua việc cung cấp những thông tin về thế giới hiện thực, các câu này còn thể hiện rõ tính mục đích của tác giả: bộc lộ thái độ lên án, tố cáo kẻ thù hoặc ngợi ca, kêu gọi toàn dân tham gia kháng chiến.

Trong *Thư gửi Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Pháp*, Hồ Chí Minh đã sử dụng nhiều câu nhận định để cung cấp những thông tin về cái gọi là “thương lượng hòa bình” của đế quốc Mỹ để qua đó vạch trần bộ mặt thật - đó là bộ mặt tàn bạo của kẻ thù.

(1) *Trong khi rêu rao “thương lượng hòa bình” bịp bợm, chúng vẫn đẩy mạnh chiến tranh ở miền Nam Việt Nam vẫn tăng cường các cuộc bắn phá và ném bom đầy*

tội ác chống nước Việt nam dân chủ cộng hòa. [12, tr. 2]

Cũng trong diễn ngôn này, với câu nhận định, tác giả đã cung cấp những thông tin mới nhất về công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam, từ đó kêu gọi toàn dân đấu tranh và thể hiện một niềm tin mạnh mẽ vào chiến thắng của dân tộc:

(2) *Như vậy thì ngoại viện nhất định cầu được, cứu quốc nhất định thành công.*

2.1.2. Câu nghi vấn trong thư Hồ Chí Minh

Câu nghi vấn là một trong những dạng câu tiêu biểu trong cấu trúc thức của bình diện nghĩa liên nhân. Có hai kiểu câu hỏi chính: kiểu thứ nhất, người nói muốn biết về thái cực có hay không? kiểu thứ hai, người nói muốn sự nhận diện một thành phần nào đó trong nội dung được đưa ra.

Qua khảo sát, chúng tôi thấy rằng đặc điểm quan trọng nhất và nổi bật nhất trong thư Hồ Chí Minh là tác giả sử dụng các câu hỏi không chỉ để tìm kiếm thông tin phản hồi từ người tiếp nhận mà quan trọng hơn là để khẳng định, xác nhận thông tin, đặc biệt tạo sự đồng tình về những vấn đề đang được nêu ra hoặc kêu gọi hành động, kêu gọi người tiếp nhận cùng tham gia vào những vấn đề người tạo lập diễn ngôn đang hướng đến. Chính vì những đặc điểm này mà ý nghĩa liên nhân được thể hiện một cách cụ thể, mối quan hệ xã hội giữa các vai giao tiếp được tạo lập và duy trì chặt chẽ.

Trong thư của Hồ Chí Minh trước năm 1945 có nhiều câu nghi vấn mà trong đó người hỏi có thể là tác giả hoặc chuyển vai cho đối tượng là người dân bản xứ, người dân các nước thuộc địa và đối tượng tiếp nhận là thực dân Pháp nói chung hoặc những đối tượng cụ thể với mục đích cơ bản không phải là mong muốn nhận sự

phản hồi của đối tượng được hỏi.

Trước hết, chủ thể thực hiện câu nghi vấn là tác giả, hướng đến đối tượng tiếp nhận là kẻ thù. Thái độ của người viết trong những bức thư này thường mang sắc thái mỉa mai, châm biếm, mục đích để khẳng định thông tin và hướng đến vạch trần tâm địa và tội ác của chúng.

(3) *Phân bộ Pháp, phân bộ Anh và những phân bộ các nước thực dân khác đã làm gì cho các thuộc địa của chủ nghĩa tư bản nước họ?*

Những phân bộ ấy đã có một chính sách thuộc địa và một cương lĩnh rõ rệt về thuộc địa, chính xác và liên tục chưa?

Những chiến sĩ của các phân bộ ấy có hiểu thuộc địa là gì và tầm quan trọng của thuộc địa là như thế nào không?

Người ta có thể trả lời là không. [12, tr. 2]

Ba câu hỏi liên tiếp được viết ra với các từ ngữ để hỏi: **đã làm gì, đã.. chưa, thế nào không** thể hiện ngữ điệu dồn dập, quyết liệt, đồng thời mang sắc thái mỉa mai, châm biếm và sau đó là câu trả lời rõ ràng, dứt khoát: *không*.

Ngược lại, với đối tượng tiếp nhận là người dân thuộc địa và người Pháp chân chính, những bé trai và bé gái người Pháp - những đối tượng tác giả muốn hướng đến với mục đích thức tỉnh, tác động để họ thay đổi nhận thức chính xác về tội ác của chủ nghĩa thực dân và số phận bi thảm của các dân tộc thuộc địa - thì tác giả lại thể hiện sự chân thành, gần gũi nhằm thuyết phục họ đồng tình với quan điểm của mình.

(4) *Các bạn cũng tự hiểu cái chủ nghĩa thực dân này đã lạm dụng danh tiếng tốt của nước Pháp để bắt chúng tôi chịu những tai họa lớn như thế nào: phu sai, tạp dịch, thuế muối, [...]*

Hãy thử hỏi chúng tôi khổ sở như thế, ai được hưởng lợi?

Có phải nước Pháp và dân chúng Pháp không?

(...) *Các bạn sẽ đối phó như thế nào nếu có người ngoại quốc đến bắt các bạn phải chịu một chuỗi dài những tai họa và đau đớn ấy?* [11, tr. 92]

Ý nghĩa liên nhân trong những kiểu câu nghi vấn trên được thể hiện một cách đa dạng, nhiều khía cạnh. Trong đó, đặc điểm nổi bật nhất là tác giả đặt câu hỏi nhưng không phải đơn thuần là yêu cầu đối tượng tiếp nhận phản hồi thông tin mà quan trọng hơn là để khẳng định thông tin được nêu ra với một thái độ và lý lẽ đanh thép, từ đó tố cáo, vạch trần tội ác của thực dân Pháp; đồng thời tác giả mong muốn người dân bản xứ cùng tham gia bàn luận, đồng tình với những quan điểm của mình.

Sau cách mạng, mục đích cơ bản của những diễn ngôn chính luận thời kì này là ngợi ca công cuộc xây dựng, chiến đấu thống nhất đất nước và đặc biệt là kêu gọi, hiệu triệu toàn dân tham gia cách mạng, do đó, người viết tập trung vào những câu khẳng định hơn là nghi vấn. Tuy nhiên, những câu nghi vấn khi được sử dụng cũng có tác dụng rất lớn trong việc phục vụ cho mục đích xây dựng chủ đề của diễn ngôn giai đoạn này. Người hỏi chính là tác giả với tư cách là Chủ tịch nước, đại diện cho tiếng nói dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

(6) Với đồng bào, nhân dân, thái độ của tác giả nhẹ nhàng, ôn hòa nhưng sâu sắc: *Được tin tôi cùng đoàn đại biểu qua Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức, đồng bào cả nước, nhất là đồng bào Nam Bộ đều lấy làm bàng khuâng. Bàng khuâng là vì chưa biết tương lai của Nam Bộ sẽ ra thế nào?* [11, tr. 97]

Hoặc dùng câu hỏi như một thủ pháp để dẫn dắt, diễn giải, giải thích một vấn đề nào đó. Chẳng hạn, trong *Thư gửi các học sinh*, Người nêu ra câu hỏi: (7) *Các em được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hy sinh của biết bao nhiêu đồng bào các em. Vậy các em **nghĩ** sao? Các em phải **làm thế nào** để đền bù lại công lao của người khác đã không tiếc thân và tiếc của để chiếm lại nền độc lập cho nước nhà?* [11, tr. 88]. Sau đó tác giả đưa ra lời khuyên cho các em học sinh, mong mỏi cho các em được giỏi giang để trở thành chủ nhân tương lai của đất nước.

2.1.3. Câu cầu khiến trong thư Hồ Chí Minh

Câu cầu khiến phân biệt với câu nhận định qua hệ thống ngôi. Câu cầu khiến là thức nhằm đưa yêu cầu trao đổi hàng hóa, thông tin hoặc dịch vụ nên chủ ngữ của nó là ở ngôi thứ nhất và ngôi thứ hai. Ngoài ra, trong tiếng Việt, câu cầu khiến thường có dấu hiệu hình thức là lớp phụ từ chỉ bổn phận như: *hãy, buộc, buộc phải, phải,...* Có thể chia thành hai tiểu loại câu khiến là câu khiến mệnh lệnh và câu khiến mong muốn.

Trước cách mạng, câu cầu khiến có tỷ lệ không nhiều, xuất hiện chủ yếu với phó từ *hãy* và chủ ngữ là ngôi một hoặc ngôi hai hoặc khuyết chủ ngữ. Ngôi một chủ yếu là chủ thể diễn ngôn và ngôi hai là đối tượng nhận thư (thường là kẻ thù). Hồ Chí Minh đã sử dụng những dạng câu cầu khiến có hình thức ngữ điệu mang sắc thái tương đối trung tính, khách quan như là sự dẫn dắt người đọc tự quan sát, phán xét trước những thông tin, sự kiện mà người viết đưa ra. Với cách trình bày này, diễn ngôn mang tính khách quan cao, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp của tác giả với tư cách là người thanh niên yêu nước của một dân tộc thuộc

địa đang đi tìm đường giải phóng Tổ quốc trên chính đất nước của bọn xâm lược.

(8) *Đồng chí **hãy** phân tôi đi đâu đó. Hoặc là giữ tôi ở lại đây. **Hãy** giao cho tôi làm một việc gì mà theo đồng chí là có ích. Điều tôi muốn đề nghị với đồng chí là đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng.*[12, tr.41]

Khi chuyển đối tượng giao tiếp với người dân thuộc địa hay các em học sinh, câu cầu khiến trong thư của Người thể hiện rõ mục đích khuyên nhủ, kêu gọi, thống nhất hành động để đấu tranh giải phóng dân tộc:

(9) *Để đáp lại những hành động khiêu khích đó, “Đại hội toàn Ấn” kêu gọi các sinh viên và công chức **hãy** bỏ trường và bàn giấy, các thợ thuyền **hãy** đình công, các khách sạn, quán cơm, nhà hát, rạp chiếu bóng **hãy** đóng cửa, tất cả các công dân **hãy** đến dự lễ Hát-tan với lá cờ đen và treo quốc kỳ ở khắp mọi nhà.* [12, tr. 22]

(10) *Các em **hãy** nghe lời tôi, lời của một người anh lớn lúc nào cũng ân cần mong mỏi cho các em được giỏi giang. Trong năm học tới đây, các em **hãy** cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn.*[11, tr. 88]

Câu cầu khiến xuất hiện với từ *xin, mong* cũng tương đối nhiều:

(11) *Tôi **mong** cha mẹ học trò hết sức giúp đỡ nhà trường trong việc giáo dục con em chúng ta cho có kết quả tốt đẹp.* [12, tr. 108]

(12) *Vậy tôi **xin** các đồng chí cho tôi càng sớm càng tốt những chỉ thị chính xác về điều mà tôi phải làm và bao giờ thì tôi có thể lên đường.* [12, tr. 23]

Sau cách mạng, câu cầu khiến có sắc thái tình cảm phong phú hơn. Lúc này, với

cương vị là Chủ tịch nước, lãnh đạo tối cao của cách mạng Việt Nam nên câu cầu khiến có thể hướng tới kẻ thù, cũng có thể hướng tới đồng bào, nhân dân Việt Nam nói riêng cũng như người dân yêu chuộng hòa bình thế giới nói chung. Với những đối tượng giao tiếp khác nhau, tác giả thể hiện những tình cảm, thái độ khác nhau.

Ở các thư sau 1945, chủ ngữ ngôi một trong câu cầu khiến thường là *dân tộc, chúng tôi, chúng ta...* bởi lúc này quyền lợi và trách nhiệm của cá nhân hòa chung với quyền lợi và trách nhiệm dân tộc, quyền lợi, trách nhiệm của Chủ tịch nước hòa chung với quyền lợi và trách nhiệm của nhân dân, đồng bào. Sắc thái liên nhân trong những câu cầu khiến dạng này chủ yếu thể hiện mong muốn, động viên, hiệu triệu.

2.1.4. Câu cảm thán trong thư Hồ Chí Minh

Câu cảm thán là kiểu câu thể hiện rõ ràng nghĩa liên nhân bởi ở đó cảm xúc, sự đánh giá của người viết được bộc lộ trực tiếp qua các thán từ. Câu cảm thán trong thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuất hiện ở cuối thư, thường là những câu khẩu hiệu, hô hào để tuyên truyền cổ động nhằm tập hợp quần chúng, tỏ ý chí quyết tâm, thái độ dứt khoát, tinh thần đấu tranh bất khuất. Những câu nói ngắn gọn nhưng có giá trị hiệu triệu, có sức tác động lớn đến người nhận. Dấu chấm than được dùng cuối câu và phù hợp với loại câu này.

(13) *Việt Nam cách mệnh thành công!*

Thế giới cách mệnh thành công! [12, tr. 43]

(14) *Nước ta sẽ độc lập và thống nhất thật sự!*

Dân ta sẽ no ấm và giàu mạnh thật sự! [12, tr. 72]

Những câu cảm thán xuất hiện trong thư Hồ Chí Minh thường là những câu

khẩu hiệu ngắn gọn, mang tính chất khẳng định và tung hô, nổi bật nhất là các từ như “*nhất định, muôn năm, thật sự...*”. Những từ này sẽ tác động tới nhận thức của người nhận. Câu khẩu hiệu sẽ làm tăng hiệu quả tác động cho các diễn ngôn thư có nội dung kêu gọi, bởi nó có tác dụng củng cố niềm tin nơi đồng bào vào một chiến thắng tất yếu cho cuộc kháng chiến của ta.

Như vậy, có thể nói, các câu theo mục đích nói đã thể hiện giá trị liên nhân sâu sắc trong các diễn ngôn thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mỗi kiểu câu có những đặc điểm riêng và có những đóng góp riêng trong quá trình tác giả bộc lộ thái độ, quan điểm của mình. Trong đó, lực ngôn trung được thể hiện rất cụ thể trong từng loại câu: ngoài việc truyền tải những nhận định chủ quan của người viết, các câu còn thực hiện những lực tác động khác nhau đến người nhận.

2.2. Đặc trưng về không khí trong thư Hồ Chí Minh qua từ xưng hô

Trong các diễn ngôn thư Hồ Chí Minh, lớp từ ngữ xưng hô cũng có giá trị trong việc phản ánh bản chất đối tượng và đặc biệt thể hiện mối quan hệ liên nhân sâu sắc giữa các vai giao tiếp trong diễn ngôn, giữa người tạo lập diễn ngôn và đối tượng tiếp nhận diễn ngôn. Trong giao tiếp, người nói thường hướng tới đối thoại hai thái độ: lịch sự hoặc không lịch sự. Sự chi tiết hóa hai thái độ này là bốn kiểu sắc thái xưng hô biểu cảm: trang trọng; trung hòa; thân mật, suồng sã; thô tục, khinh thường,... Việc chọn cách xưng hô trong giao tiếp nói chung là một vấn đề mang tính xã hội, nó bị chi phối bởi các điều kiện của bối cảnh giao tiếp (người phát, người nhận); trạng thái tình cảm giữa các đối tượng giao tiếp và một số nhân tố khác.

Bảng 1. Tổng hợp các cặp từ xưng hô trong thư Hồ Chí Minh

Đối tượng	Cặp từ xưng hô	
	<i>Xưng</i>	<i>Hô</i>
Chủ thể diễn ngôn	<i>Tôi</i>	<i>Ông / Ngài</i>
	<i>Tôi / chúng tôi</i>	<i>Đồng chí / các đồng chí</i>
	<i>Tôi / chúng tôi</i>	<i>Bạn / các bạn</i>
	<i>Tôi</i>	<i>Đồng bào</i>
	<i>Tôi</i>	<i>Các em</i>
	<i>Chú</i>	<i>Các cháu</i>
	<i>Bác</i>	<i>Các cháu</i>

2.2.1. Từ ngữ xưng hô trong quan hệ ngoại giao

Quan hệ ngoại giao luôn đòi hỏi tính lịch sự, trang trọng trong giao tiếp, do đó việc lựa chọn cặp quan hệ từ xưng hô vô cùng quan trọng, thể hiện được sự khôn khéo trong sách lược ngoại giao. Cặp từ xưng hô được Hồ Chí Minh lựa chọn là: *tôi / chúng tôi - ông/ngài*.

(15) **Ngài Tổng thống** kính mến,

Nhân dịp này **tôi** xin được cảm ơn **Ngài** cùng nhân dân Hoa Kỳ về sự quan tâm có lợi cho các dân tộc thuộc địa mà các đại diện của **Ngài** tại tổ chức Liên hợp quốc đã bày tỏ”. [12, tr. 76]

Người ứng xử với phương châm “vừa là đồng chí, vừa là anh em” nhằm xây dựng khối đại đoàn kết giữa các quốc gia trên thế giới, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân.

(16) **Tôi** hết lòng cảm ơn các ông về sự giúp đỡ của **các ông** cho các bạn chúng tôi.

Tôi mong muốn là các bạn của chúng tôi sẽ học được vô tuyến điện và những thứ cần thiết khác cho cuộc đấu tranh chung chống Nhật của chúng ta.

Tôi hy vọng một ngày gần đây nhất sẽ hân hạnh được đón tiếp **các ông** tại khu căn cứ của chúng tôi. Nếu được thế thì thật là tuyệt. [12, tr. 47]

2.2.2. Từ ngữ xưng hô trong quan hệ với dân

Với đối tượng tiếp nhận là người dân, bao gồm cả những người dân thuộc địa trên thế giới cũng như người dân Pháp chân chính và nhân dân Việt Nam, tác giả lại lựa chọn và sử dụng những cặp từ xưng hô với sắc thái tình cảm gần gũi.

Chẳng hạn, với mục đích tác động mạnh mẽ đến nhận thức của người nhận thư, chủ yếu là người Pháp ở chính quốc và nhân dân thuộc địa trên thế giới về một hiện thực tăm tối, bất công cũng như đây tội ác của thực dân Pháp tại các nước mà chúng đang cai trị, chủ thể diễn ngôn với tư cách là một người dân thuộc địa đang hoạt động cách mạng ngay trên đất Pháp đã lựa chọn cho mình một lối xưng hô vô cùng gần gũi, thân thiện. Trong hầu hết những diễn ngôn thư giai đoạn này, Nguyễn Ái Quốc luôn duy trì lối xưng hô: *tôi / chúng tôi - bạn / các bạn; tôi / chúng tôi - đồng chí / các đồng chí; ...* Các cặp từ xưng hô này thể hiện rõ các nhân vật giao tiếp là người

quen biết và có quan hệ gần gũi, coi nhau ngang hàng, do hợp tình hợp ý hoặc cùng cảnh ngộ, cùng chí hướng, cùng hoạt động. Thông qua từ ngữ xưng hô, tác giả đã thiết lập mối quan hệ liên nhân với người tiếp nhận trong bối cảnh này như những người cùng cảnh ngộ, cùng chí hướng: cùng cảnh ngộ bị áp bức bóc lột và cùng chí hướng trên con đường đấu tranh và giải phóng dân tộc. Cách xưng hô này cũng giúp cho tác giả có thể thoải mái nêu, trình bày và chia sẻ những quan điểm, cách đánh giá và miêu tả hiện thực; đồng thời giúp cho người đọc tiếp cận nội dung, tư tưởng của diễn ngôn một cách dễ dàng và hiệu quả hơn. Bên cạnh từ ngữ xưng hô còn là lối diễn đạt vô cùng thân tình, gần gũi:

(17) *Các bạn thân mến,*

Bao lâu nay chúng ta làm việc với nhau.

Mặc dầu chúng ta là những người khác giống, khác nước, khác tôn giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em.

Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ: sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung: giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta. [12, tr. 3]

(18) *Tôi tin tưởng ở đồng chí và gửi tới đồng chí lời chào cộng sản anh em.* [12, tr. 10]

Khi muốn đối tượng tiếp nhận cùng đồng hành, chia sẻ với mình về một vấn đề nào đó thì tác giả lại thể hiện một thái độ nhẹ nhàng nhưng vô cùng thâm thúy:

(19) *Các bạn yêu nước Pháp của các bạn và muốn nó độc lập. Các bạn yêu đồng bào của các bạn và muốn họ được tự do. Lòng yêu nước thương nòi này làm vẻ vang các bạn vì nó là lý tưởng cao quý nhất*

của loài người. Nhưng chúng tôi cũng phải được phép yêu nước của chúng tôi và muốn nó độc lập chứ! Chúng tôi cũng phải được phép yêu đồng bào chúng tôi và muốn họ được tự do chứ! Cái mà các bạn coi là lý tưởng cũng phải là lý tưởng của chúng tôi. Chúng tôi không ghét không thù gì dân tộc Pháp. Trái lại chúng tôi kính phục cái dân tộc lớn lao ấy đã là kẻ đầu tiên truyền bá lý tưởng rộng rãi về tự do, bình đẳng và bác ái, và đã cống hiến rất nhiều cho văn hóa, cho khoa học và cho văn minh. Sự chiến đấu của chúng tôi không nhằm đánh vào nước Pháp, cũng không nhằm đánh vào những người Pháp lương thiện, mà chỉ chống lại sự thống trị tàn bạo ở Đông Dương của chủ nghĩa thực dân Pháp. [11, tr. 91]

Trong những diễn ngôn sau năm 1945, khi đã trở thành vị lãnh tụ đứng đầu nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa thì lối xưng hô trong diễn ngôn thư Hồ Chí Minh cũng có sự thay đổi cho phù hợp.

Với mỗi quan hệ trong nước, tác giả sử dụng cặp xưng hô: *tôi – đồng bào/ các cụ phụ lão/ các vị Giám mục Việt Nam/ các anh chị em, ...* Các cặp từ xưng hô này cho thấy sự gần gũi, thân thiết mà vẫn trân trọng. Không hề có một khoảng cách nào giữa một vị lãnh tụ tối cao của một đất nước với người dân của mình. Ví dụ:

(20) *Tôi xin đồng bào cứ bình tĩnh. Tôi xin hứa với đồng bào rằng Hồ Chí Minh không phải là người bán nước.* [11, tr. 97]

(21) *Tôi mong rằng trong một thời kỳ rất ngắn, lòng hăng hái và sự nỗ lực của anh chị em sẽ có kết quả rất vẻ vang, đồng bào ta ai cũng biết đọc, biết viết.* [12, tr. 87]

2.2.3. Từ ngữ xưng hô trong quan hệ với thiếu nhi

Với các em học sinh, thiếu niên nhi đồng, Bác thường sử dụng cặp từ xưng hô hết sức gần gũi, thân tình: *tôi/ các em; Bác/ các cháu*.

(22) *Các em* hãy nghe lời *tôi*, lời của một người anh lớn lúc nào cũng ân cần mong mỏi cho *các em* được giỏi giang. Trong năm học tới đây, *các em* hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn. [11, tr. 88]

(23) Nhiệm vụ của *các cháu* là thi đua học tập để sau này góp phần vào việc mở mang quê hương của mình và việc xây dựng nước Việt Nam yêu quý của chúng ta.

Bác sẽ có giải thưởng cho những cháu nào thi đua khá nhất.

Mong *các cháu* cố gắng và thành công. [12, tr. 103]

Như vậy, qua các phân tích trên chúng ta có thể thấy các cặp từ xưng hô đã thể hiện sâu sắc chức năng liên nhân của mình trong quá trình hành chức, đồng thời còn cho thấy sự chi phối của ngữ cảnh bao gồm rất nhiều yếu tố khác nhau như không gian - thời gian, những vai và vị thế của người

giao tiếp,... đối với chiến lược lựa chọn và cách thức sử dụng ngôn ngữ sao cho phù hợp với từng tình huống giao tiếp cụ thể nhằm hướng đến mục đích cuối cùng là tác động đến người nhận, tác động đến sự thay đổi của xã hội.

2.3. Đặc trưng về không khí trong thư Hồ Chí Minh qua các yếu tố tình thái

2.3.1. Các yếu tố tình thái nhận thức (epistemic modality)

2.3.1.1. Các yếu tố tình thái thực hữu (factive)

Tình thái thực hữu là tình thái trong đó người nói xác nhận, đưa ra những cam kết về tính chân thực của nội dung mệnh đề dựa trên những bằng chứng; nói cách khác, sự tình được nói ở đây là hiện thực dựa trên những suy luận có tính cá nhân. Người nói cho rằng tính chân thực của điều được nói đến trong câu là không cần bàn cãi. Những sự việc được đề cập là hiện thực hay tất yếu hiện thực thông qua các yếu tố ngôn ngữ: *chắc (chắn), chắc hẳn, tất nhiên, đúng là, nhất định, sự thật là,...*

Bảng 2. Thống kê các yếu tố tình thái thực hữu trong thư Hồ Chí Minh

Các yếu tố tình thái tiêu biểu	Số lần	Tỷ lệ (%)
<i>Chắc, chắc chắn</i>	15	60.0
<i>Nhất định</i>	7	28.0
<i>Tất nhiên</i>	3	12.0
Tổng	25	100

Những yếu tố tình thái thực hữu trong bảng 2 (được thống kê theo số lần xuất hiện trong 116 bức thư) có vai trò quan trọng trong việc thể hiện nghĩa liên nhân. Qua những yếu tố tình thái này, tác giả không chỉ đưa ra những nhận định mà còn bộc lộ

thái độ, cách đánh giá về những nội dung, đối tượng được nhận định đó. Trong thực tế, yếu tố ngôn ngữ này cũng được sử dụng trong các loại câu khác; tuy nhiên, để tập trung tạo nên tính thuyết phục trong các sự kiện, các hoạt động từ đó tác động mạnh

mẽ đến người tiếp nhận thì tác giả đã sử dụng những yếu tố này cho câu nhận định nhiều hơn.

(24) *Những điều mà tôi nói về các đồng chí chúng tôi ở Đông Dương, ở Thái Lan, v.v. **chắc chắn** là cũng đúng đối với những đồng chí ở các nước thuộc địa khác, mà ở đây Đảng hoạt động bất hợp pháp và trình độ văn hoá của những người lao động còn thấp.* [12, tr.39]

Sau cách mạng, những yếu tố tình thái thực hữu có tác dụng giúp tác giả khẳng định hiện thực đấu tranh cách mạng đầy nhiệt huyết của nhân dân Việt Nam cũng như khẳng định chiến thắng tất yếu của dân tộc và sự thất bại tất yếu của kẻ thù. Trong giai đoạn này, câu nhận định thể hiện rõ niềm tin, niềm vui, niềm hạnh phúc đồng thời thể hiện tính chủ động, tính quyền lực của người viết. Điều này được thể hiện qua các phụ ngữ xác suất như: *chắc (chắn), nhất định, tất nhiên,...*

Chẳng hạn, khi muốn làm tăng mức độ của sự khẳng định về những điều tất yếu của hiện thực được nói đến, tác giả sử dụng yếu tố tình thái thực hữu *tất nhiên*

(25) ***Tất nhiên** chúng sẽ bị bại, vì tất cả quốc dân ta đoàn kết chặt chẽ và một lòng chiến đấu cho giang sơn Tổ quốc.* [11, tr. 88]

Từ *tất nhiên* là kết từ lập luận khẳng định hệ quả tất yếu của việc thực dân Pháp lấn lē quay lại xâm lược nước ta: *chúng sẽ bị bại.*

Hay khi muốn thể hiện niềm tin vào sức mạnh và chiến thắng tất yếu của dân

tộc, Bác thường sử dụng từ *nhất định*:

(26) *Khó thì khó thật, nhưng chúng ta quyết tâm; chúng ta vừa làm vừa học, nhất là chúng ta cố mà theo cho đúng chính sách của Chính phủ, thì **nhất định** chúng ta vượt qua hết thấy những sự khó khăn đó.* [12, tr. 55]

(27) ***Nhất định** miền Nam ta sẽ được giải phóng!*

*Nước Việt Nam ta **nhất định** sẽ thống nhất hoàn toàn!* [12, tr.116]

Hay khi bộc lộ niềm tin vào sức mạnh của liên minh các nước yêu chuộng hòa bình, chính nghĩa trên thế giới: (48) *Tôi **chắc chắn** rằng, với thiện ý chung và sự tin cậy lẫn nhau, chúng ta sẽ rất nhanh chóng đi đến một sự thỏa thuận có lợi cho cả hai dân tộc chúng ta.* [12, tr.93]

2.3.1.2. Các yếu tố tình thái không thực hữu (non - factive)

Các yếu tố tình thái không thực hữu là loại tình thái trong đó người nói thể hiện nội dung sự tình như là một sự đoán định, nội dung sự tình là một kiến giải chủ quan mà người nói không đảm bảo, không cam kết về tính chân thực. Trong diễn ngôn thư Hồ Chí Minh, việc lựa chọn và sử dụng loại tình thái này phản ánh sâu sắc tính mục đích trong việc truyền tải những thông tin hàm ẩn và có tác dụng trong việc xây dựng, duy trì và phát triển chủ đề, nội dung của diễn ngôn trong những ngữ cảnh cụ thể.

Bảng 3. Thống kê các yếu tố tình thái không thực hữu trong thư Hồ Chí Minh

Các yếu tố tình thái tiêu biểu	Số lần xuất hiện	Tỷ lệ (%)
<i>Có thể</i>	48	90.6
<i>Có lẽ</i>	5	9.4
Tổng	53	100

Các yếu tố tình thái không thực hữu trong thư Hồ Chí Minh ở bảng 3 được thống kê theo số lần xuất hiện trong 116 bức thư. Trước năm 1945, có khá nhiều các phụ ngữ xác suất như: *có thể* (40 lượt), *có lẽ* (6 lượt),... không phải đề đối lập với *chắc, chắc chắn* trong yếu tố tình thái thực hữu về mức độ tin cậy mà để người tạo lập diễn ngôn tập trung thể hiện thái độ phê phán, tố cáo kẻ thù vô cùng thâm thúy, nhẹ nhàng và sâu cay.

(28) *Nhưng nếu bọn Nhật muốn quân du kích đánh giặc như những “người văn minh” bằng cách dùng giáo mác và súng trường để chơi với xe tăng và đại bác thì chúng có thể cứ chờ đó.* [12, tr. 8]

Đồng thời, qua phụ ngữ xác suất *có thể*, tác giả cũng đưa ra những nhận định mang

tính chất chắc chắn nhằm động viên tinh thần của toàn dân trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược: (29) *Như vậy, chúng ta sẽ có thể không những đánh đổ uy thế của chủ nghĩa thực dân bóc lột và lay chuyển vị trí của chúng, mà còn có thể biến mỗi cảm tình thuần túy tình cảm và thụ động của các dân tộc thuộc địa đối với chúng ta thành mỗi cảm tình hành động, nếu những nghị quyết của Quốc tế được chấp hành.* [12, tr. 2]

3.3.1.3. Các yếu tố tình thái phản thực hữu (counter - factive)

Trong loại tình thái này, người nói nhận định rằng sự tình được nói đến ở nội dung mệnh đề là không có thực hay tất yếu phi hiện thực. Qua khảo sát, chúng tôi thu được một số yếu tố tình thái nổi bật sau:

Bảng 4. Thống kê các yếu tố tình thái phản thực hữu trong thư Hồ Chí Minh

Các yếu tố tình thái tiêu biểu	Số lần xuất hiện	Tỷ lệ (%)
<i>Không/không hề/không thể</i>	316	95.7
<i>Chưa/chưa hề</i>	7	2.1
<i>Chẳng</i>	6	1.9
<i>Đâu</i>	1	0.3
Tổng	330	100

Các yếu tố tình thái phản thực hữu trong thư Hồ Chí Minh ở bảng 2.4 được thống kê theo số lần xuất hiện trong 116 bức thư. Trong những diễn ngôn thư trước năm 1945, Nguyễn Ái Quốc sử dụng rất nhiều yếu tố phản thực hữu như các phó từ phủ định *không, chưa, chẳng, ...* để biểu thị những ý nghĩa phủ định, bác bỏ các hành vi, thái độ đối với hiện thực.

Trong diễn ngôn thư của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, câu phủ định có giá trị cao trong việc phản ánh hiện thực, đặc

biệt tố cáo tội ác của chế độ thực dân Pháp đối với người dân bản xứ. Chẳng hạn:

(30) *Những đoàn người “quy thuận” (bọn Pháp đặt cho họ cái tên này mặc dầu những người An Nam đáng thương đó chưa khi nào chiến đấu) bị dẫn đến hoàng cung (nơi bọn quan lại thường đến đó bái vọng nhà vua, mặc dầu ông ta không bao giờ đến đó).* [12, tr. 36]

Tác giả dùng câu phủ định để khéo léo lôi kéo những người Pháp chân chính về phía mình:

(31) Trong cuộc chiến đấu của chúng ta, chúng ta **không** cô độc, vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta ủng hộ và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính, đứng bên cạnh chúng ta. [12, tr. 3]

(32) Làm cho nước Pháp hiểu rõ bọn cá mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự của nước Pháp để gây nên những tội ác **không thể** tưởng tượng được. [12, tr.3]

Hoặc dùng câu phủ định để đưa ra những quan điểm riêng của mình để phê phán những hành động của đối tượng nhận thư với mục đích làm thay đổi hành động theo hướng tích cực. Từng câu văn, lời nói của Người rất đanh thép:

(33) Ban Chấp hành Trung ương Quốc dân đảng **không hề** cử một đoàn đại biểu nông dân nào. **Không** ai biết ông Chongao là ai. [12, tr.12]

Sau năm 1945, các câu phủ định được sử dụng như một cách để khẳng định tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Việt Nam:

(34) Trong Việt Minh đồng bào ta bắt tay nhau chặt chẽ, **không** phân biệt trai, gái, già, trẻ, lương, giáo, giàu, nghèo. [11, tr. 83]

(35) Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. **Không** ai chiến thắng được lực lượng đó. [12, tr. 55]

(36) Chúng ta **phải** lập tức sửa đổi ngay, chúng ta **không** sợ có khuyết điểm, chúng ta chỉ sợ **không** có quyết tâm sửa đổi, chúng ta **phải** lấy lòng “chí công vô tư”. [19, tr. 55]

2.2.3.2. Các yếu tố tình thái đạo nghĩa (deontic modality)

Tình thái đạo nghĩa là những tình thái liên quan đến ý chí của người nói, theo đó người nói đánh giá tính hợp thức về đạo đức hay các chuẩn mực xã hội đối

với hành động do một người nào đó hay chính người nói thực hiện. Từ quan điểm này, trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy các yếu tố tình thái đạo nghĩa tập trung ở những diễn ngôn thư sau năm 1945. Cụ thể yếu tố tình thái **phải** xuất hiện 126 lần.

Theo kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy, các yếu tố tình thái đạo nghĩa bộc lộ rõ nhất chủ yếu xuất hiện trong những bức thư Hồ Chí Minh sau năm 1945 khi tác giả sử dụng những phụ từ bổn phận hướng tới đối tượng tiếp nhận là nhân dân Việt Nam với những sắc thái cũng như thang độ khác nhau về tính trách nhiệm hay bắt buộc. Ý nghĩa liên nhân trong yếu tố này không phải mang sắc thái áp đặt hay bắt buộc mà thể hiện sự động viên tinh thần quyết tâm chống giặc cứu nước cũng như nhấn mạnh đến tinh thần trách nhiệm, bổn phận của mỗi người dân Việt Nam đối với vận mệnh của Tổ quốc, của dân tộc. Ví dụ:

(37) Để góp phần mình vào chiến công chung, chúng tôi còn **phải** chiến đấu gian khổ. [12, tr. 48]

Đối với đối tượng tiếp nhận là các em học sinh, thiếu niên, nhi đồng các phụ ngữ bổn phận cũng mang sắc thái thể hiện sự động viên, khích lệ tinh thần những “mầm non” tương lai của đất nước:

(38) Các em **phải** ngoan, ở nhà **phải** nghe lời bố mẹ, đi học **phải** siêng năng; đối với bầu bạn **phải** yêu kính. Các em **phải** thương yêu nước ta. [12, tr.57]

Như vậy, qua các yếu tố tình thái, người viết không chỉ bộc lộ thái độ, quan điểm và cách đánh giá chủ quan của mình mà còn tạo lập và phát triển chặt chẽ mối quan hệ liên nhân với người tiếp nhận.

3. Kết luận

Tìm hiểu đặc trưng không khí trong thư Hồ Chí Minh, có thể thấy rằng, những đặc điểm ngữ cảnh khác nhau đã chi phối đến việc lựa chọn cách thức sử dụng các yếu tố ngôn ngữ với những thang độ đánh giá khác nhau đã góp phần phản ánh sâu sắc bức tranh xã hội Việt Nam qua từng thời kì. Các đặc trưng về không khí trong 116 diễn ngôn thư như các kiểu câu, từ ngữ xưng hô và các yếu tố tình thái không chỉ phản ánh đa dạng bức tranh lịch sử, xã hội của dân tộc mà còn diễn đạt và xác lập, duy trì các mối quan hệ xã hội cũng như mối quan hệ liên nhân giữa người tạo lập diễn ngôn và đối tượng tiếp nhận. Đồng thời các yếu tố ngôn ngữ được phân tích cũng góp phần thể hiện được quan điểm, thái độ tình cảm phù hợp với đối tượng giao tiếp, ngữ cảnh giao tiếp của nhà cách mạng, nhà văn hóa Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đặng Xuân Kỳ (chủ biên) (2004), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị.
3. *Hồ Chí Minh Bàn về Công tác giáo dục* (1972), NXB Sự thật, Hà Nội.

4. *Hồ Chí Minh toàn tập* (tái bản lần thứ 3, năm 2011), NXB Chính trị Quốc gia, 7 tập.

5. Nguyễn Hòa (2006), *Phân tích diễn ngôn - Một số vấn đề lí luận và phương pháp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Nguyễn Như Ý (1997) (chủ biên), *Hồ Chí Minh, tác gia, tác phẩm nghệ thuật ngôn từ*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

7. Trần Đức Vương (2003), “Thư của chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào và cán bộ Lai Châu”, *file:///C:/Users/Admin/Downloads/tai_lieu_tuyen_truyen_hoc_tap_bac_2.pdf*

8. Trần Ngọc Thêm (1980), “Một vài suy nghĩ về các phương thức tổ chức văn bản trong ngôn ngữ của Bác”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 2.

9. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với cách nói và cách viết*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Bách khoa toàn thư mở (2021), *Thư*, ngày cập nhật 11/5/2021, <https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0>

TU LIỆU NGHIÊN CỨU

11. Lữ Huy Nguyên (1997), *Tuyển tập văn chính luận Hồ Chí Minh*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

12. Bạch ngọc sách, *Những bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, <https://bachngocsach.com/reader/nhung-buc-thu-cua-chu-tich-ho-chi-minh/muc-luc>